

Bản án số: 30/2022/DS-ST

Ngày: 19/4/2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Bích Ngọc.
2. Bà Trần Thị Như Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Châu Văn S** – sinh năm 1960. Có mặt

Địa chỉ: Số 502, tổ 5, khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:*

- Ông **Lê Hồng T** – sinh năm 1977. Có mặt

- Bà **Hà Thị T T1** – sinh năm 1977. Có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 15, Quốc Lộ 80, khu phố Lò Bom, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Châu Văn S trình bày và yêu cầu như sau:

Tôi là chủ hui tại khu vực thị trấn K, phía vợ chồng ông Lê Hồng T và bà Hà Thị T T1 có tham gia chơi hui của tôi. Cụ thể gồm 02 dây hui như sau:

Dây thứ nhất: Hui 5.000.000 đồng, nửa tháng khai 01 lần, mở hui ngày 25/8/2020, mần hui ngày 10/9/2021, tổng cộng có 26 phần, vợ chồng ông T, bà T1 tham gia chơi 01 phần. Dây hui này vợ chồng ông T, bà T1 đã hốt hui vào lần thứ hai

vào ngày 10/9/2020 được số tiền 100.900.000 đồng và tôi đã giao đủ số tiền hội này cho ông T, bà T1. Ông T, bà T1 đã đóng hội chết đến lần thứ 24 tức ngày 10/8/2021 thì ngưng đóng cho đến nay. Dây hội này ông T, bà T1 còn nợ lại 03 lần với số tiền là $5.000.000đ \times 03 = 15.000.000$ đồng.

Dây thứ hai: Hội 5.000.000 đồng, nửa tháng khai 01 lần, mở hội ngày 22/11/2020, mãn hội ngày 07/12/2021, tổng cộng có 26 phần, vợ chồng ông T, bà T1 tham gia chơi 03 phần. Dây hội này ông T, bà T1 đã hót 02 phần, hót lần đầu vào kỳ mở hội thứ ba là ngày 22/12/2020 được số tiền 89.400.000 đồng và lần thứ hai vào kỳ mở hội thứ tám là ngày 22/3/2021 được số tiền 102.900.000 đồng, còn 01 phần chưa hót. Trong quá trình tham gia chơi hội, vợ chồng ông T, bà T1 có chậm đóng tiền hội nhưng lại yêu cầu tôi cho hót phần hội còn lại thì tôi không đồng ý. Ông T, bà T1 yêu cầu tôi cho hót phần hội còn lại rồi sẽ trừ hết tất cả tiền hội còn nợ tôi. Tôi đồng ý và cho ông T, bà T1 hót phần hội còn lại vào ngày 22/8/2021 được số tiền 110.400.000 đồng nhưng do ông T, bà T1 chậm đóng các phần hội trước đã hót nên tôi giữ lại số tiền này để cản trừ. Dây hội này sau khi hót hội ông T, bà T1 còn nợ lại 07 lần với số tiền là $5.000.000đ \times 07 \text{ lần} \times 03 \text{ phần} = 105.000.000$ đồng.

Trong quá trình tham gia chơi hội, ông T, bà T1 còn nợ tôi số tiền hội của những dây hội trước với số tiền là 14.650.000 đồng.

Tổng số tiền hội ông T, bà T1 còn nợ tôi là $15.000.000đ + 105.000.000đ + 14.650.000đ = 134.650.000$ đồng, cản trừ với số tiền hội của phần hội thứ ba là 110.400.000 đồng. Như vậy số tiền hội còn lại ông T, bà T1 còn phải trả cho tôi là 24.250.000 đồng.

Nay tôi yêu cầu ông T, bà T1 phải trả một lần hết số tiền nợ hội còn lại là 24.250.000đ (Hai mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản hòa giải và bản tự khai ông Lê Hồng T trình bày:

Tôi T thừa nhận có tham gia chơi hội của ông Châu Văn S. Tôi có tham gia 02 dây hội như sau:

Dây thứ nhất: Hội 5.000.000 đồng, nửa tháng khai 01 lần, mở hội ngày 25/8/2020, mãn hội ngày 10/9/2021, tổng cộng có 26 phần, tôi tham gia chơi 01 phần. Dây hội này tôi đã hót hội được số tiền 100.900.000 đồng và còn nợ lại 03 lần với số tiền 15.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Hội 5.000.000 đồng, nửa tháng khai 01 lần, mở hội ngày 22/11/2020, mãn hội ngày 07/12/2021, tổng cộng có 26 phần, tôi tham gia chơi 03 phần. Dây hội này tôi đã hót 02 phần, lần đầu hót được số tiền 89.400.000 đồng và lần thứ hai hót được số tiền 102.900.000 đồng, số tiền hội tôi hót ông S đã giao đủ, còn 01 phần hội tôi chưa hót. Sau đó tôi có yêu cầu ông S cho hót phần hội còn lại để cản trừ vào số tiền hội còn thiếu. Phần hội thứ ba tôi hót được số tiền 110.400.000 đồng, số tiền hội này ông S không giao cho tôi mà cản trừ vào tiền hội tôi còn nợ. Dây hội này sau khi hót tôi còn nợ lại 07 lần với số tiền 105.000.000 đồng.

Trong quá trình tham gia chơi hội tôi còn nợ ông S số tiền hội của những dây hội trước với số tiền là 14.650.000 đồng.

Tổng số tiền hội tôi còn nợ ông S là $15.000.000đ + 105.000.000đ +$

14.650.000đ = 134.650.000 đồng, cần trừ với số tiền hui của phần hui thứ ba tôi hót là 110.400.000 đồng, vậy số tiền hui còn lại tôi còn phải trả cho ông S là 24.250.000 đồng.

Tại phiên tòa, tôi đồng ý trả số tiền hui 24.250.000 đồng cho ông S. Tôi xin trả chậm mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại biên bản lấy lời khai bà Hà Thị T T1 trình bày:

Tôi thừa nhận vợ chồng tôi có tham gia chơi hui của ông Châu Văn S 02 dãy hui, loại hui nửa tháng 5.000.000 đồng. Vợ chồng tôi thừa nhận có nợ ông S số tiền hui là 24.250.000 đồng. Nay tôi đồng ý với ý kiến trình bày của ông T, xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, ông S không đồng ý cách trả nợ của ông T, bà T1. Yêu cầu trả số tiền nợ hui 24.250.000 đồng theo quy định của pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S. Ông T, bà T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Lê Hồng T và bà Hà Thị T T1 đều có nơi cư trú tại khu phố Lò Bom, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng góp hui" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với bị đơn bà Hà Thị T T1 vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa: Xét đơn khởi kiện của ông Châu Văn S về việc yêu cầu vợ chồng ông T, bà T1 trả số tiền hui còn nợ là 24.250.000 đồng, ông T, bà T1 đều thừa nhận nợ và hứa trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng ông S không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông S là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà T1, ông T bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự;
- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Lê Hồng T và bà Hà Thị T T1 phải trả cho ông Châu Văn S số tiền 24.250.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông T và bà T1 phải chịu số tiền án phí là 1.212.500 đồng.

- Ông S thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí do ông thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Ông S, ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tãnh Kieãn Giang;
- VKSND tãnh Kieãn Giang;
- VKSND huyeãn Kieãn Lõõng;
- Chi cùc THADS huyeãn Kieãn Lõõng;
- Nhõõng ngõõõ TGTT;
- Lõõ taãp àuõ, hoà sõ;

**TM. HOÃI NÕÀNG XEÙT XÕU SÕ
THAÃM
THAÃM PHAÙN – CHUÛ TOÃI PHIEÃN
TOØA**

Nguyễn Văn Pho